

TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA HỆ THỐNG

NGÂN HÀNG VIỆT NAM

PGS. TS. Nguyễn Thị Nhung

Học viện Ngân hàng

I TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH LÀ GÌ ?

Tự do hóa tài chính là một nền tài chính mà trong đó không có hoặc chỉ có sự can thiệp rất hạn chế của chính phủ vào hoạt động và các quá trình tài chính. Trong một thị trường áp dụng cơ chế tự do hóa tài chính, các quan hệ, các giao dịch tài chính vận động theo cơ chế thị trường, các dòng vốn được tự do lưu chuyển từ những nơi có hiệu suất sinh lợi thấp đến những nơi có hiệu suất sinh lợi cao mà không gặp phải một rào cản nào. Có thể phân chia tự do hóa tài chính thành hai cấp độ sau:

1. Tự do hóa tài chính trong phạm vi quốc gia, cụ thể là việc xóa bỏ kiểm soát lãi suất, xóa bỏ việc phân bổ tín dụng. Tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng, các tổ chức tài chính trong việc thu hút vốn đầu tư. Giảm bớt sự can thiệp của chính phủ trong phân bổ tín dụng, trong bản lãnh các khoản vay.

2. Mở rộng tự do hóa tài chính thể hiện qua việc bãi bỏ các biện pháp kiểm soát vốn và những rào cản trong quản lý ngoại hối tiến tới tự do hóa trong lĩnh vực chuyển đổi tiền tệ.

Trái ngược với tự do hóa tài chính là kiểm chế tài chính. Trong cơ chế đó chính phủ thường xuyên can thiệp quá mức vào hoạt động và các quá trình tài chính bằng những biện pháp mang tính áp đặt như kiểm soát ngoại hối, khống chế lãi suất, trực tiếp phân bổ tín dụng, hạn chế sự phát triển của thị trường tư nhân... với mục đích nhằm gia tăng dòng chảy của các nguồn lực tài chính trong nước về cho khu vực công mà không cần phải tăng thuế hay tỷ lệ lạm phát. Cơ hội vay vốn tín dụng của khu vực tư nhân hầu như không có làm giảm khả năng đầu tư, dẫn tới hạn chế tăng trưởng kinh tế và gây ra bất ổn định trong nền kinh tế. Ở các nước phát triển, chính phủ đã thực hiện việc kiểm soát hệ thống tài chính và coi nó như một công cụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của họ.

Hầu hết các quốc gia tin rằng nếu không có sự can thiệp của chính phủ thì hệ thống tài chính sẽ không thể trở thành một đối tác hợp tác trong nỗ lực phát triển. Mặc dù mức độ can thiệp của chính phủ tại các nước đang phát triển rất khác nhau nhưng hầu hết chính phủ các quốc gia đều cho thấy rằng cần phải can thiệp để tạo nguồn tín dụng với lãi suất thấp cho các ngành kinh tế trọng điểm của sự phát triển, thực hiện một chương trình tín dụng chẵn định. Chương trình này được sử dụng thường xuyên không chỉ để điều chỉnh những trục trặc của thị trường tài chính mà còn để tạo nguồn

vốn cho các lãnh vực kinh tế được ưu tiên bất kể có phải là đầu tư có hiệu quả cao hay không. Có thể nói rằng chương trình này rất nhiều khoản tín dụng đã trở thành những khoản nợ khó đòi, đầu tư kém hiệu quả, giảm ý chí của các trung gian tài chính trong việc huy động vốn. Hơn nữa, bằng việc khuyến khích các công ty vay vốn ngân hàng, các chương trình tín dụng chỉ định đã ngăn cản sự phát triển của thị trường tài chính.

Rõ ràng việc kiểm chế tài chính không thể dẫn tới tăng trưởng kinh tế một cách nhanh chóng và không thể tồn tại được khi một quốc gia muốn hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

II. VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH TỰ DO HÓA TÀI CHÍNH.

Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của Việt Nam là thúc đẩy bước chuyển sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập vào các tổ chức liên kết khu vực và quốc tế vì vậy tự do hóa tài chính không còn là vấn đề nên hay không nên nữa, nó là bước đi tất yếu, là một nguyên tắc mang tính điều kiện trong quá trình hội nhập.

Trong thời gian qua, nhìn chung lĩnh vực tài chính của nước ta đã đạt nhiều thành quả đáng kể, nổi bật nhất là đã chặn được nạn lạm phát cao, từng bước đẩy lùi và kiểm chế lạm phát, ổn định cơ bản tỷ giá hối đoái. Đã hình thành được hệ thống thuế áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh

tế, nâng dần tỷ lệ động viên thuế và phí trong GDP, tạo thành nguồn thu chính trong ngân sách Nhà nước, bảo đảm toàn bộ chi phí thường xuyên và tăng dần phần dành cho đầu tư phát triển. Tỷ lệ thiếu hụt ngân sách đã được hạ thấp, chấm dứt việc phát hành tiền để bù đắp bội chi, thay bằng vay tiền của dân và của nước ngoài. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội và của nước ngoài ngày càng cao, cơ cấu đầu tư ngày càng hợp lý. Đã phân định được chức năng quản lý Nhà nước của nghh Nhà nước và chức năng kinh doanh của các ngân hàng thương mại. Việc điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại hối, xây dựng thị trường hối đoái có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận những mặt hàng còn yếu kém trong hệ thống tài chính quốc gia, đó là sự phát triển kém năng động của thị trường tiền tệ, lãi suất tín dụng chưa có tác dụng khuyến khích đầu tư phát triển, các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ chưa được sử dụng đồng bộ, hiệu quả, tỷ lệ sử dụng tiền mặt còn chiếm tỷ lệ đáng kể, ngoại tệ vẫn lưu hành song song với nội tệ và được sử dụng nhiều hơn trong các giao dịch, chưa có các biện pháp phòng ngừa mang tính chiến lược với những biến động tiêu cực của thị trường tài chính quốc tế, mầm mống tái lạm phát cao vẫn chưa được loại bỏ, lòng tin của người dân vào VND vẫn chưa được hoàn toàn khẳng định, chính sách huy động, đầu tư chưa thực sự có hiệu quả...

Với những phân tích trên cho thấy cần phải tìm ra những giải pháp cần thiết để đảm bảo cho sự thành công của tiến trình tự do hóa tài chính ở nước ta. Tuy nhiên mọi hoạt động trong nền kinh tế đều liên quan đến tài chính, nên tự do

hóa tài chính là một vấn đề rất lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực... Vì vậy trong bài viết này chúng tôi chỉ xin đề cập đến một số giải pháp nhằm thúc đẩy tiến trình tự do hóa tài chính và hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH TỰ DO HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Tự do hóa, hội nhập – vấn đề tưởng như đơn giản nhưng trên thực tế hoàn toàn không đơn giản chút nào. Rất nhiều vấn đề nảy sinh trong quá trình này thúc đẩy khả năng, sức chịu đựng của cả nền kinh tế. Hoạt động ngân hàng cũng không nằm ngoài những khó khăn đó. Nói một cách đơn giản thì muốn hội nhập thì mình phải giống như người ta để có thể hoà vào guồng máy chung, để tạo được lòng tin trong nước cũng như ngoài nước đối với mọi hoạt động của hệ thống ngân hàng. Người ta có thể an tâm uỷ thác cho anh mọi của cải, tài sản, người ta sẵn sàng đón nhận các nghiệp vụ do anh cung cấp... Với góc độ nhìn nhận đó, chúng tôi xin được nêu lên một số vấn đề cần quan tâm trong quá trình tự do hóa và hội nhập quốc tế của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Vấn đề thứ nhất: là phải thực hiện việc cải tổ lại cơ chế quản lý, nâng cao vị thế độc lập tương đối của Ngân hàng Nhà nước.

Trong Luật Ngân hàng Nhà nước, NHNN là cơ quan Chính phủ, là ngân hàng của Nhà nước và ngân hàng của các ngân hàng, trong đó vai trò là ngân hàng của Chính phủ,

ngân hàng của Nhà nước được đặc biệt nhấn mạnh, bên cạnh đó vai trò quản lý Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng cũng được nhấn mạnh hơn vai trò là ngân hàng trung ương của các ngân hàng. Chính vì vậy các nghiệp vụ ngân hàng giữa NHNN và các ngân hàng thương mại, đặc biệt là với các ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện một cách hết sức mờ nhạt, làm cho người ta dễ nhầm tưởng rằng các thể chế, các quy định chỉ mang tính hình thức như nghiệp vụ tái cấp vốn, chiết khấu, thị trường mở, thanh toán bù trừ, mua bán ngoại tệ... Mặt khác chức năng, nhiệm vụ của Thống đốc NHNN và một số quan hệ giữa ngân hàng với các cấp các ngành trong nền kinh tế còn bị gò bó và lệ thuộc nhất là trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ thường rất bị động, lệ thuộc vào chính phủ và các cơ quan của chính phủ như bộ Tài chính, bộ Kế hoạch và Đầu tư. Với vị thế như hiện nay NHNN chỉ có thể hoạt động trong điều kiện phần lớn chính sách tiền tệ được thực hiện thông qua các công cụ hành chính. Với các nghiệp vụ mới linh hoạt và nhạy cảm, nối liền thị trường tài chính trong nước và quốc tế thì với vị thế hiện nay của NHNN khó có thể phù hợp. Vì vậy cần có sự phân định rõ ràng quyền hạn của các cấp như Quốc hội, Chính phủ, NHNN trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.

Vấn đề thứ hai: là cơ cấu lại tổ chức và hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh theo hướng kiên quyết tách nghiệp vụ chính sách khỏi các ngân hàng thương mại, xoá bỏ mô hình tổ chức theo địa giới hành chính, xử lý

dứt điểm tình trạng nợ xấu thông qua các công ty mua bán nợ, cơ cấu lại nợ, làm sạch bảng cân đối của các ngân hàng thương mại quốc doanh, thực hiện phân loại nợ xấu theo mức độ rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế, trích lập dự phòng theo phân loại rủi ro nói trên và cho phép các ngân hàng này có thể dùng quỹ dự phòng để bù đắp một phần nợ xấu của mình.

Vấn đề thứ ba: là từng bước hoàn thiện cơ chế tỷ giá tiến tới thả nổi hoàn toàn tỷ giá. Việc NHNN công bố tỷ giá chính thức căn cứ vào tỷ giá bình quân của thị trường ngoại tệ liên ngân hàng là một bước tiến dài trong cơ chế điều hành tỷ giá của NHNN Việt Nam. Tuy nhiên theo thống kê, quan sát thì sự áp đặt mang tính chủ quan của NHNN đối với tỷ giá vẫn còn tồn tại, điều này được thể hiện ở sự chênh lệch giữa tỷ giá chính thức công bố với tỷ giá trên thị trường liên ngân hàng trong nhiều ngày. Mặt khác việc công bố tỷ giá chính thức cùng với việc khống chế chỉ riêng cho tỷ giá giữa VND và USD (0,1%) đối với các ngân hàng thương mại trên thực tế vẫn không có khả năng kiểm soát tỷ giá ngoại tệ, bởi bằng cách *chuyển* qua các ngoại tệ khác các ngân hàng thương mại vẫn hoàn toàn có khả năng thoát khỏi sự kiểm soát của NHNN. Điều này cho thấy, tỷ giá chính thức hiện đang được công bố hàng ngày không giúp cho NHNN đạt được mục tiêu quản lý và kiểm soát của mình. Vì vậy xét ở góc độ này đó tỷ giá chính thức hiện đang áp dụng có những điểm rất gần gũi với tỷ giá thả nổi. Sự can thiệp nhằm điều chỉnh tỷ giá của NHNN chỉ nên thực hiện thông qua việc mua bán ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng.

Vấn đề thứ tư: là nâng cao vai trò của hệ thống thanh tra giám sát để kiểm soát việc thực hiện các văn bản pháp quy, sự tuân thủ các quy chế về chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối, quy chế tín dụng... Dành cho các giám sát viên có quyền đánh giá độc lập về các hoạt động của các ngân hàng. Hiện nay công tác giám sát còn dựa quá nhiều vào việc phân tích báo cáo của các ngân hàng, cách làm như vậy thường thiếu tính khách quan. Thực tế cho thấy giám sát từ xa không thể đánh giá được rủi ro một cách đầy đủ, còn thanh tra tại chỗ lại không được thực hiện một cách thường xuyên. Để giám sát được hiệu quả thì phải cần cả hai. Các giám sát viên từ xa cần phân tích các báo cáo định kỳ do các ngân hàng nộp và các thanh tra viên tại chỗ cần xác minh độ trung thực của báo cáo này, xác định thông tin chi tiết về những khu vực tiềm ẩn các vấn đề và đánh giá các yếu tố mà các giám sát viên từ xa không thể đánh giá một cách thích đáng. Những nhận định chính xác, khách quan của các giám sát viên sẽ góp phần làm tăng độ an toàn, tính ổn định và một hệ thống tài chính hoạt động có hiệu quả.